

## BẢN TIN NGÀY 20/3/2023

### ĐẦU TUẦN “HOA PHƯỢNG ĐỎ” KÈM THANH KHOẢN THẤP

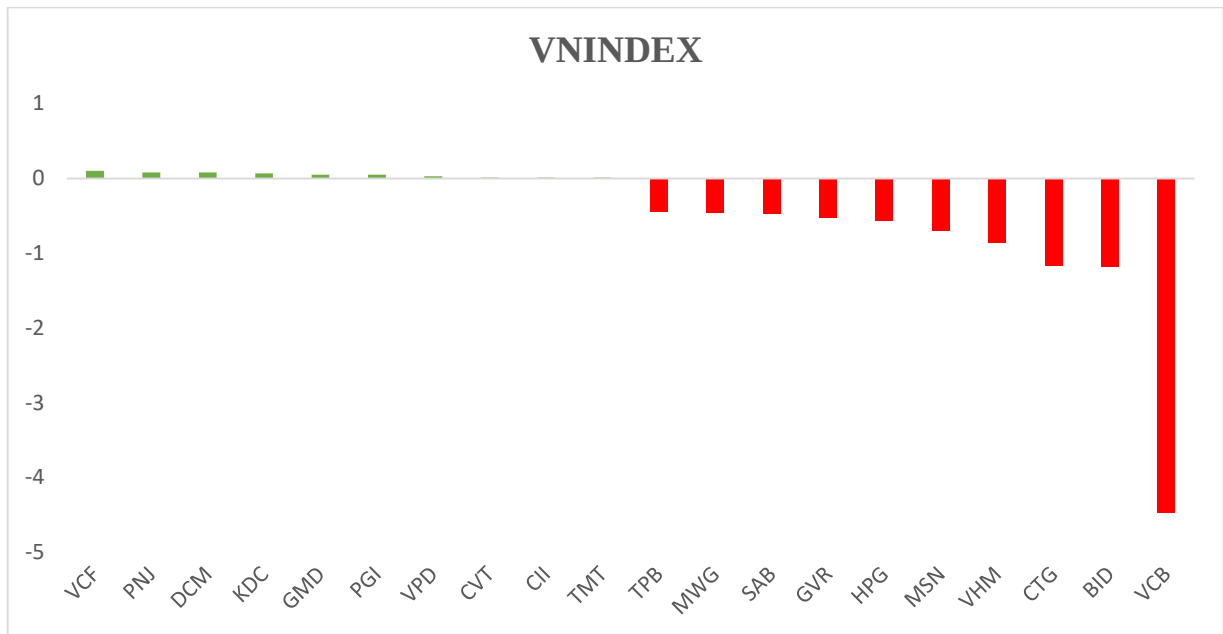
| HOSE                  |     | HNX                   |     | UPCOM                 |     |
|-----------------------|-----|-----------------------|-----|-----------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu      | 572 | Tổng số cổ phiếu      | 348 | Tổng số cổ phiếu      | 860 |
| Số mã tăng giá        | 48  | Số mã tăng giá        | 53  | Số mã tăng giá        | 79  |
| Số mã giảm giá        | 369 | Số mã giảm giá        | 128 | Số mã giảm giá        | 180 |
| Số mã tham chiếu      | 43  | Số mã tham chiếu      | 41  | Số mã tham chiếu      | 63  |
| Số mã không giao dịch | 112 | Số mã không giao dịch | 126 | Số mã không giao dịch | 538 |

Kết thúc phiên giao dịch ngày 20/3/2023, VNINDEX giảm 22.04 điểm (*tương đương 2.11 %*) xuống mức 1023.10 điểm. Trên sàn HOSE có 48 mã tăng, 369 mã giảm và 43 mã giữ tham chiếu. Giá trị giao dịch giảm và khối lượng giao dịch của thị trường ngày hôm nay giảm so với phiên trước đó với tổng giá trị khớp lệnh đạt 9753.448 tỷ đồng.



Các mã có tác động tích cực nhất đến VNINDEX bao gồm VCF (+0.1076 điểm), PNJ (+0.0847 điểm), DCM (+0.0827 điểm), KDC (+0.0666 điểm), GMD (+0.0543 điểm).

Ngược lại, các mã tác động tiêu cực nhất đến chỉ số bao gồm VCB (-4.4831 điểm), BID (-1.1952 điểm), CTG (-1.1789 điểm), VHM (-0.8711 điểm), MSN (-0.7078 điểm).



Khối ngoại hôm nay BÁN ròng với giá trị khoảng 340 tỷ trên toàn thị trường, trong đó khối ngoại tập trung BÁN mạnh nhất là HPG với giá trị bán ròng lên đến gần 68.28 tỷ đồng, tiếp theo là VIC với giá trị là 58.44 tỷ và cuối cùng là FUEVFVND với giá trị là 34.68 tỷ. Chiều ngược lại, khối ngoại tập trung MUA ròng DCM với giá trị 28.14 tỷ, tiếp theo là HSG với giá trị là 14.64 tỷ và cuối cùng là IDC với giá trị là 12.27 tỷ.

| Top NN mua ròng |                          |        |                | Top NN bán ròng |                          |       |                |
|-----------------|--------------------------|--------|----------------|-----------------|--------------------------|-------|----------------|
| Mã CK           | GT mua ròng<br>(Tỷ đồng) | Giá    | Thay đổi       | Mã CK           | GT bán ròng<br>(Tỷ đồng) | Giá   | Thay đổi       |
| DCM             | 28.14                    | 24.60  | 0.60 (2.50%)   | HPG             | -68.28                   | 20.00 | -0.40 (-1.96%) |
| HSG             | 14.64                    | 15.70  | -0.50 (-3.09%) | VIC             | -58.44                   | 52.80 | -0.40 (-0.75%) |
| IDC             | 12.27                    | 38.00  | -0.70 (-1.81%) | FUEVFVND        | -34.68                   | 21.80 | -0.20 (-0.91%) |
| MSN             | 10.88                    | 81.50  | -2.00 (-2.40%) | VNM             | -30.84                   | 74.30 | -0.20 (-0.27%) |
| VRE             | 9.18                     | 29.00  | -0.50 (-1.69%) | STB             | -26.21                   | 24.20 | -0.85 (-3.39%) |
| GMD             | 8.54                     | 49.90  | 0.70 (1.42%)   | VCB             | -22.11                   | 85.10 | -3.90 (-4.38%) |
| KDH             | 7.30                     | 25.75  | -1.00 (-3.74%) | HDB             | -20.92                   | 17.80 | -0.70 (-3.78%) |
| BID             | 5.80                     | 45.35  | -0.95 (-2.05%) | PLX             | -20.89                   | 35.40 | - (0.00%)      |
| VJC             | 4.50                     | 105.60 | -3.30 (-3.03%) | E1VFN30         | -17.92                   | 17.40 | -0.40 (-2.25%) |
| CEO             | 3.84                     | 20.50  | - (0.00%)      | VHM             | -16.60                   | 42.55 | -0.80 (-1.85%) |

Trong 25 nhóm ngành ngày hôm nay, có 1 nhóm ngành tăng điểm, các nhóm tăng điểm chủ yếu đó là: **Sản xuất phụ trợ**, 24 nhóm ngành bị điều chỉnh, tiêu biểu là các nhóm **Nông – Lâm – Ngư nghiệp, Khai khoáng, Chứng khoán và Bán lẻ**.

| Nhóm ngành                         | Gía<br>hiện<br>tại | %<br>Thay<br>đổi |
|------------------------------------|--------------------|------------------|
| Nông - Lâm - Ngư                   | 23.07              | -4.05%           |
| Khai khoáng                        | 169.56             | -3.82%           |
| Chứng khoán                        | 82.35              | -3.62%           |
| Bán lẻ                             | 485.48             | -3.42%           |
| Dịch vụ lưu trú, ăn uống, giải trí | 43.59              | -3.35%           |
| Thiết bị điện                      | 147.9              | -2.64%           |
| Ngân hàng                          | 538.31             | -2.62%           |
| Tài chính khác                     | 10.23              | -2.58%           |
| SX Nhựa - Hóa chất                 | 407.07             | -2.27%           |
| Chế biến Thủy sản                  | 1591               | -2.25%           |
| Vận tải - kho bãi                  | 422.72             | -2.01%           |
| Vật liệu xây dựng                  | 649.44             | -1.90%           |
| Công nghệ và thông tin             | 299.22             | -1.72%           |
| Bảo hiểm                           | 127.6              | -1.70%           |
| Bất động sản                       | 396.78             | -1.54%           |
| Xây dựng                           | 424.68             | -1.22%           |
| Thực phẩm - Đồ uống                | 1252.93            | -1.20%           |
| SX Hàng gia dụng                   | 268.67             | -1.18%           |
| Tiện ích                           | 513.28             | -1.04%           |
| Sản phẩm cao su                    | 250.79             | -0.95%           |
| Bán buôn                           | 29.58              | -0.48%           |
| Dịch vụ tư vấn, hỗ trợ             | 235.37             | -0.42%           |
| Chăm sóc sức khỏe                  | 399.04             | -0.39%           |
| SX Thiết bị, máy móc               | 13.32              | -0.34%           |
| SX Phụ trợ                         | 424.59             | 0.31%            |

## CHỈ SỐ NGÀNH



**CẬP NHẬT CÁC TIN NỘI BẬT CỦA DOANH NGHIỆP NGÀY 20/3/2023**

- **Lâm Đồng: Vi phạm về đất đai, Năng lượng tái tạo Đại Dương bị xử phạt 225 triệu đồng:** UBND tỉnh Lâm Đồng cho biết, trong quá trình triển khai dự án, doanh nghiệp này đã có hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn với tổng diện tích trên 86.000m<sup>2</sup>.
- **Hậu kiểm toán, PV Power (POW) bất ngờ có thêm 230 tỷ đồng lợi nhuận:** Hậu kiểm toán, tổng doanh thu của PV Power giảm 10,2 tỷ đồng về mức 28.790 tỷ đồng. Tổng chi phí giảm 255 tỷ đồng còn 25.980 tỷ đồng. Ngược lại, lợi nhuận sau thuế tăng thêm gần 230 tỷ đồng, tương đương tăng gần 10% so với báo cáo tự lập, đạt 2.552 tỷ đồng.
- **VNDirect: Dự án trọng điểm DXH Riverside của Đất Xanh (DXG) chậm tiến độ, lỡ hẹn mở bán:** Theo VNDirect, tiến độ dự án được mong chờ nhất của Đất Xanh trong năm 2023 là DXH Riverside đang rất chậm, chủ yếu vẫn trong giai đoạn san lấp mặt bằng, cùng với đó là nhiều vướng mắc về các thủ tục pháp lý khiến dự án này có thể lỡ hẹn mở bán.
- **Phát hành 45 triệu cổ phiếu với giá ngang mệnh, Yeah1 (YEG) chuẩn bị tăng vốn gấp 2,5 lần:** Cụ thể, Yeah1 sẽ phát hành 45 triệu cổ phiếu với giá 10.000 đồng/đơn vị cho 15 nhà đầu tư. Trong đó, 7 người đang giữ các chức vụ tại Yeah1 và các công ty cùng hệ sinh thái Yeah1, nổi bật là bà Lê Phương Thảo, Chủ tịch HĐQT Yeah1 (mua 4,2 triệu cổ phiếu), ông Đào Phúc Trí, Tổng Giám đốc Yeah1 (mua 3,5 triệu cổ phiếu) và ông Chế Đoàn Viên, Quyền Phó Tổng Giám đốc tài chính Yeah1 (mua 3,7 triệu cổ phiếu). Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- **'Bán chui' cổ phiếu HHG, Chủ tịch HĐQT Công ty Hoàng Hà bị phạt 165 triệu đồng, cấm 'trading' 2 tháng:** Mới đây, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành Quyết định số 150/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lưu Huy Hà, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hoàng Hà (HNX: HHG), do có hành vi "bán chui" cổ phiếu.
- **Khải Hoàn Land (KHG) đặt kế hoạch lợi nhuận dè dặt, không chia cổ tức để 'giữ sức':** Nhìn lại kết quả kinh doanh năm 2022, Tập đoàn Khải Hoàn Land (HOSE: KHG) ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 1.396 tỷ đồng, tăng 8% so với năm trước. Chi phí giá vốn của KHG tăng cao, bù lại doanh nghiệp giảm tải tốt chi phí hoạt động, giúp lợi

nhuận trước thuế đạt 554 tỷ đồng, tăng trưởng 7% so với cùng kỳ. Tại thời điểm cuối kỳ báo cáo tài chính 2022, KHG ghi nhận lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 632 tỷ đồng.

- **Không đáp ứng đủ số Thành viên HĐQT độc lập, 'đại gia' cảng biển Gemadept bị phạt tiền:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cho biết, cơ quan này vừa ban hành Quyết định số 146/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty CP Gemadept (HOSE: GMD) với số tiền phạt 125 triệu đồng.

### CẬP NHẬT CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN TRONG TUẦN 20/03/2023 – 24/03/2023

| STT | Mã CK | Sàn   | Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC  | Ngày thực hiện | Nội dung sự kiện                                                           | Loại Sự kiện             |
|-----|-------|-------|------------|------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | VTC   | HNX   | 24/03/2023 | 27/03/2023 | 26/04/2023     | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP                                 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 2   | HEV   | HNX   | 24/03/2023 | 27/03/2023 | 20/04/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,400 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 3   | CCI   | HOSE  | 24/03/2023 | 27/03/2023 | 25/04/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,210 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 4   | TMW   | UPCoM | 24/03/2023 | 27/03/2023 | 24/04/2023     | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 800 đồng/CP                                 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 5   | CMF   | UPCoM | 23/03/2023 | 24/03/2023 | 10/5/2023      | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 5,000 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6   | NT2   | HOSE  | 23/03/2023 | 24/03/2023 | 31/03/2023     | Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP                             | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 7   | C4G   | UPCoM | 23/03/2023 | 24/03/2023 |                | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP | Phát hành thêm           |
| 8   | LHC   | HNX   | 23/03/2023 | 24/03/2023 | 19/04/2023     | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP                               | Trả cổ tức bằng tiền mặt |

|    |     |       |            |            |            |                                                |                          |
|----|-----|-------|------------|------------|------------|------------------------------------------------|--------------------------|
| 9  | MRF | UPCoM | 23/03/2023 | 24/03/2023 | 7/4/2023   | Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 10 | SDC | HNX   | 23/03/2023 | 24/03/2023 | 30/06/2023 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP     | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 11 | LBM | HOSE  | 23/03/2023 | 24/03/2023 | 13/04/2023 | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 900 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 12 | GLT | HNX   | 22/03/2023 | 23/03/2023 |            | Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1  | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 13 | GLT | HNX   | 22/03/2023 | 23/03/2023 | 31/03/2023 | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 14 | VNL | HOSE  | 22/03/2023 | 23/03/2023 | 21/04/2023 | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 800 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 15 | ADC | HNX   | 22/03/2023 | 23/03/2023 | 5/5/2023   | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 16 | DBD | HOSE  | 22/03/2023 | 23/03/2023 | 10/4/2023  | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 17 | NBE | UPCoM | 21/03/2023 | 22/03/2023 | 8/8/2023   | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,100 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 18 | TPH | HNX   | 21/03/2023 | 22/03/2023 | 11/5/2023  | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 700 đồng/CP     | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 19 | DP3 | HNX   | 21/03/2023 | 22/03/2023 | 6/7/2023   | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 8,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 20 | SDN | HNX   | 21/03/2023 | 22/03/2023 | 31/03/2023 | Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 800 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 21 | HJS | HNX   | 21/03/2023 | 22/03/2023 | 31/03/2023 | Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |



|    |     |       |            |            |            |                                                                             |                          |
|----|-----|-------|------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 22 | STP | HNX   | 20/03/2023 | 21/03/2023 | 31/05/2023 | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 800 đồng/CP                                  | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 23 | TPB | HOSE  | 20/03/2023 | 21/03/2023 | 3/4/2023   | Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,500 đồng/CP                                | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 24 | PPP | HNX   | 20/03/2023 | 21/03/2023 | 19/04/2023 | Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP                                | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 25 | DFC | UPCoM | 20/03/2023 | 21/03/2023 |            | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 10:9, giá 10,000 đồng/CP | Phát hành thêm           |
| 26 | PRE | HNX   | 20/03/2023 | 21/03/2023 | 31/03/2023 | Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP                                | Trả cổ tức bằng tiền mặt |